

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 1333/2025/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
 - Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 25/08/2025
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	4,900	4.97%
2	CTG	900	1.67%
3	DCM	100	0.14%
4	DGC	200	0.72%
5	DIG	600	0.50%
6	DPM	300	0.29%
7	EIB	1,600	1.69%
8	FPT	1,600	5.76%
9	FRT	100	0.48%
10	GEX	700	1.37%
11	GMD	400	0.90%
12	HCM	600	0.58%
13	HDB	2,900	3.41%
14	HPG	4,700	4.45%
15	HSG	500	0.33%
16	IDC	200	0.32%
17	KBC	600	0.89%
18	KDH	700	0.87%
19	LPB	3,200	5.47%
20	MBB	4,500	4.41%
21	MSB	2,000	1.31%
22	MSN	800	2.36%



23	MWG	1,200	3.07%
24	NLG	300	0.46%
25	PDR	500	0.44%
26	PLX	100	0.13%
27	PNJ	300	0.93%
28	POW	600	0.36%
29	PVD	300	0.23%
30	PVS	200	0.25%
31	SAB	100	0.17%
32	SHB	3,600	2.26%
33	SHS	900	0.82%
34	SSB	1,700	1.37%
35	SSI	1,500	1.95%
36	STB	2,000	4.04%
37	TCB	4,300	6.10%
38	TPB	1,600	1.26%
39	VCB	1,000	2.35%
40	VCG	400	0.36%
41	VCI	400	0.63%
42	VHM	1,300	4.64%
43	VIB	2,300	1.98%
44	VIC	1,700	7.68%
45	VJC	300	1.53%
46	VND	1,200	0.98%
47	VNM	900	1.92%
48	VPB	4,800	6.28%
49	VPI	100	0.20%
50	VRE	1,000	1.09%
I	Chứng khoán/Stock	2,647,255,000	96.33%
II	Tiền/Cash(VND)	100,720,272	3.67%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,747,975,272	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,647,255,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,747,975,272
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	100,720,272

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	35,750	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	43,300	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VND	22,450	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	VCB	64,600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	ACB	27,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	HDB	32,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	84,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	39,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	23,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 25/08/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 22/08/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,100,000.00	5,100,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	27,010.00	28,000.00	-990.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	140,146,738,872.00	144,989,423,050.00	-4,842,684,178.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,747,975,272.00	2,842,929,863.00	-94,954,591.00

của 1 CCQ/ per Share	27,479.75	28,429.29	-949.54
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	3,020.66	3,093.81	-73.15

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/08/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 21/08/2025

Đại diện tổ chức
Organization representative



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC